

# KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG ĐẮK NÔNG

TS. Vũ Thị Hoà

Khoa Lịch Sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Đắk Nông là một tỉnh miền núi nằm ở phía tây nam của Tây Nguyên, phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Nam giáp tỉnh Bình Phước, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp với Campuchia.

Đắk Nông đang ngày càng được nhiều người biết đến không chỉ vì hiện nay là tỉnh có tốc độ phát triển cao ở Tây Nguyên hay là nơi có trữ lượng quặng Bô xít lớn nhất Đông Nam Á và lớn thứ 4 trên thế giới, mà Đắk Nông còn đang được biết đến do những giá trị văn hoá từ hàng nghìn năm trước. Những giá trị văn hoá đó đã vận động trên cơ sở một nền kinh tế nông nghiệp truyền thống của những cư dân bản địa lâu đời. Con người xuất hiện ở Đắk Nông từ rất sớm, cách đây hàng vạn năm. Dấu tích của người cổ Đắk Nông đã được tìm thấy qua các công cụ đá cho thấy sự phát triển liên tục từ thời kỳ đồ đá cũ sang thời kỳ đồ đá mới - sơ kỳ kim khí. Nhưng cho đến nay Đắk Nông vẫn là một trong những tỉnh chậm phát triển với nền kinh tế mang nặng tính thuần nông. GDP bình quân đầu người thấp. Năm 2005 tỉnh mới đạt 370USD/người (bằng 60% bình quân thu nhập của cả nước năm 2005). Tại sao Đắk Nông lại có bước tiến quá chậm như vậy so với nhiều vùng khác của đất nước trong khi Đắk Nông có những điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi cho sự phát triển kinh tế-xã hội như đất đai, địa hình, khí hậu, khoáng sản...? Câu trả lời có thể phần nào được tìm thấy qua việc tìm hiểu kinh tế nông nghiệp cổ truyền ở Đắk Nông.

## *1. Nghề nông xuất hiện ở Đắk Nông từ rất sớm:*

Nếu tính từ di chỉ thôn Tám, xã Đắk Will, huyện Cư Jút với sự xuất hiện của kỹ thuật mài đá thì nghề nông xuất hiện ở Đắk Nông cách đây 6000 năm. Nếu tính nghề nông với sự xuất hiện cuộc đá trong các di tích, di chỉ hậu kỳ đá mới được tìm thấy rộng khắp ở Đắk Nông thì nghề nông cũng tồn tại được khoảng 3500 năm.

Ở thời kì đá mới, kĩ thuật chế tác đá đã có bước tiến bộ. Kĩ thuật mài đá xuất hiện. Công cụ mài đã cho phép người nguyên thủy chặt cây, phát quang một diện tích lớn để trồng trọt. Như vậy nghề nông nguyên thủy - nghề nông sơ khai đã xuất hiện. Ở Đắk Nông, kĩ thuật đá mài sớm nhất được tìm thấy ở di chỉ thôn Tám, xã Đắk Will huyện Cư Jút (có niên đại cách đây khoảng 6000 năm). Di chỉ thôn Tám được khai quật vào năm 2006. Trong

hồ khai quật, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy 6 rìu mài lưỡi, 17 bàn mài trong tổng số 7400 hiện vật thu được. Các nhà khảo cổ học cho rằng đây là di chỉ xưởng chế tác công cụ đá.

Nghề nông ở giai đoạn này có thể là nghề nông làm vườn. Người nguyên thủy mới chỉ thuần hóa các loại cây có củ như củ mài, khoai nước. Nghề nông được phát triển mạnh ở hậu kì đá mới trên toàn Tây Nguyên, cách đây khoảng 3500 năm đến 3000 năm. Đó là nền nông nghiệp dùng cuốc. Cuốc đá ở Tây Nguyên nhiều về số lượng, phong phú về loại hình, phù hợp với điều kiện tự nhiên ở từng vùng. Cuốc đá đầu tiên tìm thấy ở Tây Nguyên vào năm 1973 tại Draixi, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông. Sau đó người ta tìm thấy nhiều cuốc đá ở Đăk Nông và Tây Nguyên. Theo Nguyễn Khắc Sử, tính đến năm 2006, 532 chiếc cuốc đá của 100 di chỉ khảo cổ hậu kì đá mới - sơ kì kim khí ở Tây Nguyên đã được tìm thấy, trong đó Đăk Lăk, Đăk Nông đã tìm thấy 74 chiếc<sup>1</sup>.

Cuốc đá được tìm thấy rộng khắp ở Tây Nguyên với nhiều loại hình phong phú cho thấy nghề nông dùng cuốc đã rất phổ biến ở toàn Tây Nguyên. Hơn nữa cuốc đá còn đi vào đời sống tâm linh của người Tây Nguyên cổ. Điều đó cũng cho thấy cuốc đá gắn bó và là công cụ lao động quan trọng trong sản xuất của họ. Theo Nguyễn Khắc Sử, không ở đâu cuốc đá lại được chôn giấu với số lượng lớn và cẩn trọng như ở Tây Nguyên. Ở thôn Cánh Nam, xã Đắc Nung, huyện Krông Nô tỉnh Đăk Nông, người ta tìm thấy 18 chiếc cuốc đá hình thang với kích thước to nhỏ khác nhau nằm chung một chỗ. Niên đại những chiếc cuốc này được xác định là thuộc hậu kỳ đá mới cách đây 3500 năm<sup>2</sup>. Cuốc còn được làm đồ tùy táng chia cho người chết. Ngoài cuốc đá người ta còn tìm thấy các loại công cụ sản xuất khác mà trong đó nhiều nhất là các loại rìu đá. Rìu đá được tìm thấy với số lượng lên đến hàng nghìn chiếc. Rìu đá mài mới là công cụ quan trọng nhất trong kinh tế nương rẫy ở Đăk Nông vì ở đây khâu làm đất không giống như kinh tế ruộng. Rìu để chặt cây, còn cuốc chỉ để xới đất chứ không phải để cuốc đất.

## 2. Kinh tế nông nghiệp tự nhiên ở Đăk Nông tồn tại khá lâu dài:

Nghề nông đã xuất hiện ở Đăk Nông cách đây 6000 năm nhưng tiếp sau đó sự phát triển kinh tế xã hội ở đây vận hành rất chậm chạp, dường như dậm chân tại chỗ cho dù ở bên ngoài Đăk Nông đang diễn ra những biến chuyển to lớn. Ở thời kỳ sau Công nguyên Tây Nguyên trở thành nơi tranh chấp của các quốc gia Phù Nam, Chân Lạp, Chăm Pa, Xiêm nhưng dường như các cuộc tranh chấp đó đã không có tác động gì đến Đăk Nông. Người ta chưa tìm thấy vết tích văn hoá của các quốc gia đó ở Đăk Nông. Đến thế kỷ XVII XVIII người dân Đăk Nông, Tây Nguyên vẫn ở trình độ sản xuất nông nghiệp sơ khai. Điều đó phần nào có thể thấy qua bộ sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn khi viết về nước Nam Bàn ở Tây Nguyên. Bộ sách đã mô tả nơi ấy cày bằng dao, trồng bằng chọc chia, tháng giêng gieo hạt, tháng 5 lúa chín, gặt lúa chỉ tuốt.

---

<sup>1</sup> Nguyễn Khắc Sử: *Cuốc đá với nông nghiệp tiền sử ở Tây Nguyên*, Tạp chí khảo cổ học số 3-2006, tr.7

<sup>2</sup> Nguyễn Khắc Sử: *Khảo cổ học tiền sử Tây Nguyên*, NXB Giáo dục, H.2007, tr.131

Khi nhà Nguyễn làm chủ Tây Nguyên, triều đình thực hiện chính sách không xâm phạm đất đai, không xen vào công việc tự quản của cư dân bản địa do vậy không gây ra sự xáo trộn trong kinh tế của các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên.

Thời Pháp thuộc, thời Mỹ Ngụy đều đưa những phương thức sản xuất cao hơn vào Tây Nguyên như lập đồn điền, lập khu dinh điền, tập trung người dân tộc bản địa bằng cách sáp nhập nhiều buôn làng lân cận ra gần trục đường giao thông. Thực dân Pháp và Mỹ cũng đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như cung cấp giống, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi v.v... nhưng bộ phận này chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng diện tích canh tác của Tây Nguyên. Đa số các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên, đặc biệt là ở Đăk Nông vẫn canh tác theo truyền thống. Theo *Địa phương chí tỉnh Quảng Đức* năm 1960, tỉnh Quảng Đức (tức Đăk Nông thời Mỹ ngụy) trồng được 2500 ha lúa rẫy với sản lượng là 1500 tấn thóc và 450 ha lúa ruộng ở các khu dinh điền<sup>3</sup>, do đó thiếu ăn. Hàng tháng tỉnh phải nhập 90 tấn gạo<sup>4</sup>. Ngoài lúa toàn tỉnh còn trồng được 766,32 ha cây công nghiệp như gai, kee-naf, cây sơn mài, cao su, trâu, chè, 1 vườn cây ăn trái và hoa<sup>5</sup>.

Đến đầu những năm 80, lúa nương vẫn chiếm 80% diện tích canh tác và sản xuất ra 80% tổng sản lượng lương thực ở Tây Nguyên<sup>6</sup>. Đến năm 1997, Tây Nguyên vẫn còn khoảng 15/25 vạn người dân tộc tại chỗ (chiếm 60%) chủ yếu sống bằng rẫy du canh. Năm 2003 toàn tỉnh gieo trồng được 76 000 ha trong đó có 12 000 ha lúa nước và 3288 ha lúa rẫy<sup>7</sup>. Điều đáng nói là không chỉ những dân tộc ít người tại chỗ canh tác nương rẫy theo kiểu truyền thống (kinh tế tự nhiên) mà một số dân từ nơi khác di cư đến Đăk Nông sau 1975 cũng sản xuất theo hình thức này. Như vậy kinh tế nông nghiệp truyền thống tồn tại cho đến hiện nay.

### 3. *Nghề nông truyền thống ở Đăk Nông là nghề nông nương rẫy với kỹ thuật canh tác rất thô sơ*

Kinh tế nông nghiệp truyền thống ở Đăk Nông bao gồm trồng trọt và chăn nuôi. Trong trồng trọt lại có 2 loại hình sản xuất khác nhau đó là trồng trọt nương rẫy và ruộng nước. Với người Đăk Nông, kinh tế nương rẫy đóng vai trò chủ đạo, là hoạt động kinh tế chính. Kinh tế nương rẫy thu hút vào nó nguồn lao động, thời gian lao động đồng thời chi phối mọi hoạt động kinh tế khác ở Đăk Nông. Mọi hoạt động kinh tế khác chỉ là kinh tế phụ xoay quanh kinh tế nương rẫy mà phục vụ. Hơn thế nữa kinh tế nương rẫy còn in đậm dấu ấn trong đời sống xã hội của người dân Đăk Nông như chế độ mẫu hệ tồn tại lâu dài, lễ hội, tín ngưỡng, văn hóa, nghệ thuật v.v...

---

<sup>3</sup> *Địa phương chí tỉnh Quảng Đức*, Toà hành chánh tỉnh Quảng Đức, năm 1960. tr.53

<sup>4</sup> *Địa phương chí tỉnh Quảng Đức*, Sđd, tr.57

<sup>5</sup> *Địa phương chí tỉnh Quảng Đức*, Sđd, tr.53

<sup>6</sup> Bùi Tất Thắng: *Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp và các hình thức sản xuất ở các vùng dân tộc ít người ở Tây Nguyên*, Nghiên cứu kinh tế, số 1-1984, tr.37

<sup>7</sup> Bài: *Năm 2003 toàn tỉnh gieo trồng được 76 000 ha*. Báo Đăk Nông 1/1/2004

Kinh tế nương rẫy ở Đăk Nông chỉ trồng một vụ/năm, vào mùa mưa bởi vì 70 đến 75% lượng mưa hàng năm ở Đăk Nông tập trung vào mùa mưa. Độ ẩm lúc này khá cao làm cho cây trồng phát triển tốt. Đến mùa khô Đăk Nông thiếu nước, đất đỏ bazan giữ nước rất kém, độ ẩm thấp nên khó có thể cấy trồng được nếu không có công trình thuỷ lợi.

Canh tác nương rẫy có nhiều công đoạn khác nhau. Trước hết là khâu chọn đất. Người dân tộc bản địa có những qui định nghiêm ngặt trong việc chọn rẫy. Theo luật tục của người M'Nông: rẫy phải làm trong phạm vi làng; không được làm ở khu rừng đầu nguồn, khu rừng xa, nơi có nhiều cây to trên đỉnh núi, nơi phát sinh những dòng suối, khu rừng thiêng. Sau khi chọn được đất làm rẫy thì phát cây vào mùa khô trước khi mưa khoảng chừng 30-40 ngày; để cây khô rồi đốt trước khi có mưa vài ngày. Để biết được khi nào trời mưa, người Đăk Nông đã nhìn những biến đổi của mây, mặt suối, thú rừng, rẫy cây mà đoán định. Cây sau khi đốt phủ lên mặt đất một lớp tro làm phân bón. Sau đó người ta xới đất bằng cuốc đá hoặc cuốc gỗ, rồi sử dụng gậy gỗ, gậy cán gỗ có lưỡi sắt, gậy cán gỗ đầu bịt sắt hoặc tre vót nhọn để chọc lỗ tra hạt. Sau khi gieo hạt, khâu quan trọng nhất là bảo vệ và chăm sóc nương rẫy. Họ buộc phải dựng chòi canh trên nương rẫy, rào rẫy, đào hào, đặt bẫy để chống thú rừng đến phá hoại, đuổi chim chóc ở giai đoạn gieo hạt và lúc lúa chín. Họ phải sử dụng những công cụ có tiếng kêu hoặc bù nhìn để đuổi chim và thú. Do đó đã ra đời những nhạc cụ thật độc đáo của Tây Nguyên như đàn đá, đàn nước, đàn krôngput, đàn T'rưng.

Người Đăk Nông trồng trọt theo chế độ canh tác đa canh (gieo trồng nhiều loại cây) hoặc xen canh (trồng một loại cây chính - thường là lúa và trồng xen cây phụ như dưa cà bầu bí v.v...). Ngoài lương thực thực phẩm, người dân Đăk Nông còn trồng ở rẫy các loại cây như bông vải, thuốc lá, chè, cây ăn quả, dược liệu... Có nhà nghiên cứu còn ví rẫy ở Tây Nguyên đối với cư dân bản địa giống như hiệu tạp hoá. Điều đó được phản ánh phần nào trong luật tục của người M'Nông. Trong điều *Luật tục trồng trọt* nêu rõ:

*" Đất thấp, lặng gió thì ta trồng dưa*

*Đất thấp bằng ta trỉa bắp*

*Dọc bờ suối ta trồng chuối và mía*

*Trên đồi cao chỉ trồng cây gai*

*Bầu và bí trỉa chung với lúa*

*Ớt và cà ta trồng rẫy cũ"*

Từ luật tục ta thấy người M'Nông đã thực hiện "Đất nào cây ấy". Tùy vào loại đất và địa hình mà trồng những cây thích hợp.

Chế độ canh tác này đạt được nhiều mục đích. Đó là cho nhiều sản phẩm khác nhau trên cùng một diện tích canh tác, bảo vệ được đất rừng vì đất đai luôn được phủ kín bởi cây

trồng, giúp hạn chế được cỏ dại, tăng độ mùn cho đất, giảm sỏi mòn đất, tăng và ổn định năng suất cây trồng. Các cây trồng vừa bảo vệ, vừa kích thích lẫn nhau để phát triển.

Cây lúa dần trở thành cây lương thực chính và là cây trồng chính trên rẫy. Điều đó được thấy rõ qua tín ngưỡng của người Đăk Nông. Các dân tộc tại chỗ ở Đăk Nông vẫn ở giai đoạn tôn giáo đa thần (vạn vật hữu linh) nhưng trong hệ thống thần linh, thần lúa có một vị trí đặc biệt. Hàng năm cùng với quá trình sản xuất, người dân bản địa thực hiện nhiều nghi thức đối với thần lúa. Trong trồng trọt họ phải kiêng cử rất nhiều do tin rằng thần lúa luôn ngự trị trên rẫy. Họ tránh né nhiều nơi trên rẫy, không sử dụng những dụng cụ lạ, sắc bén, nhất là dụng cụ bằng sắt thép. Để thần cho nhiều lúa, trong quá trình trồng lúa họ làm nhiều lễ cúng như: cúng gieo lúa (để thần cho được mùa); cúng cây lúa (khi lúa lên được 2 tấc để cầu cho lúa chóng lớn và tránh được nạn thú rừng, sâu bọ phá hoại); Khi thu hoạch có lễ ăn cơm mới để tạ ơn thần đồng thời mời bà con chung hưởng thành quả của một quá trình lao động vất vả; rồi đến lễ rước hồn lúa. Theo quan niệm của người M'Nông thì thần lúa là một cô gái đẹp, hiền dịu nhưng ham chơi. Nếu không thu hồn lúa thì sang năm sẽ mất mùa nên phải dẫn về nhà. Nghi thức rước hồn lúa rất công phu và phức tạp. Khi thu hoạch mỗi gia đình thường để lại một khoảnh. Khi làm lễ rước hồn lúa người ta phải cắt lúa, bó thành từng bó để vào gùi các cô gái. Các cô gái sẽ đi từ rẫy về nhà ở theo sợi dây được nối từ nhà ra rẫy (thường dài vài km) để nàng tiên lúa biết đường về kho. Trong lễ rước không được dùng chiêng đồng vì tiếng to, ồn làm nàng tiên lúa hoảng sợ bỏ chạy. Họ phải dùng đàn đá hoặc đàn bằng tre nứa để tiếng nhạc êm dịu, hơn nữa tre nứa lại là chị em với họ lúa nên nàng tiên lúa không cảm thấy lạ và sợ hãi.

Dần theo thời gian, người Đăk Nông, người Tây Nguyên đã tạo ra được nhiều giống lúa nương- lúa cạn phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Theo điều tra sơ bộ của Nguyễn Văn Hiến ở Đăk Lăk (1986), có gần 40 giống lúa địa phương gồm 2 nhóm nếp và 5 nhóm tẻ<sup>8</sup>. Theo Chu Văn Vũ thì ở Đăk Lăk có đến 180 giống lúa cạn địa phương<sup>9</sup>. Đặc điểm của giống lúa rẫy Tây Nguyên là có khả năng chịu hạn và chống sâu bệnh tốt nhưng năng suất thấp. Tuy nhiên năng suất lúa nương ở Đăk Nông - Tây Nguyên cao nhất ở vùng Đông Dương, thường gấp 1,3 đến 1,5 lần<sup>10</sup>. Một đặc điểm khác là: khi lúa chín rất dễ rụng nên không thể gặt bằng dao, liềm mà phải tuốt lúa bằng tay. Hơn nữa các giống lúa cạn này thu hoạch bằng tay lại nhanh hơn thu hoạch bằng liềm. Có lẽ cũng giống như các dân tộc miền núi phía bắc, người dân bản địa Đăk Nông ăn lúa nếp là chính. Điều đó có thể thấy rõ qua người M'Nông ở Krông Nô đã tổng kết về đời sống của mình: "Cơm đồ, nhà gác, nước vác, thịt thú rừng thui".

Cây thứ hai khá quan trọng đối với người Đăk Nông là cây bầu. Cây bầu không chỉ là nguồn thức ăn mà còn là đồ đựng (đựng thức ăn, thức uống đồ khô...) mà cây bầu còn có giá trị về mặt tinh thần. Tên gọi Đăk Nông gắn với cây bầu (Đăk là suối Nông là bầu). Đăk

---

<sup>8</sup> Bùi Minh Đạo: *Vài nhận xét về nương rẫy Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Dân tộc học, 4/1988, tr.29

<sup>9</sup> Chu Văn Vũ: *Vấn đề định canh định cư ở Tây Nguyên*, Nghiên cứu kinh tế số 137, 1984, tr.47

<sup>10</sup> Bùi Minh Đạo: *Vài nhận xét về nương rẫy Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra*, Bài đã dẫn, tr.30

Nông là suối bầu gắn với truyền thuyết một người con gái M'Nông sinh ra từ quả bầu. Khi dựng cây nêu trong tế lễ người ta mô phỏng hình quả bầu để dâng nước cho thần linh uống. Trên bàn nêu người ta dùng quả bầu nhỏ để đựng rượu, nước để tế lễ ông bà, tổ tiên. Hình ảnh quả bầu luôn xuất hiện trong những lời nói vần, luật tục và sử thi. Khi đánh giá về đẹp về tính cách của một người nào đó họ thường nói: “Người trong như nước trong bầu, trong ống”.

Vì chưa biết bón phân nên đất không thể trồng trọt liên tục được. Do vậy người Đăk Nông đã thực hiện chế độ luân canh, hưu canh. Đó là chế độ luân khoảng khép kín. Luân khoảng khép kín là mỗi gia đình thường có rẫy đương canh và hưu canh, trong đó rẫy hưu canh thường lớn gấp 10 lần rẫy đương canh. Người ta canh tác 1 đến 2 năm rồi bỏ hóa, chuyển sang canh tác đám khác. Như vậy là 10-20 năm sau mới quay lại canh tác ở khoảng đầu tiên. Thời gian đó, rừng được phục hồi, đất đai trở lại màu mỡ. Rừng ở Tây Nguyên thường phục hồi rất nhanh do lượng mưa lớn, độ ẩm cao và đất đai màu mỡ. Kiểu canh tác theo luân khoảng khép kín cho phép cư dân Đăk Nông có thể định cư lâu dài trên một địa vực nhất định. Việc di chuyển chỗ ở không phải là do nhu cầu sản xuất mà do những nguyên nhân khác như cháy nhà, dịch bệnh. Với kiểu canh tác như trên thì người dân Đăk Nông không phải là phá hoại rừng, môi trường sinh thái mà ngược lại, rất khoa học. Chế độ luân khoảng khép kín chỉ thực hiện được với điều kiện đất đai còn rộng và dân cư thưa thớt. Theo GS Đặng Nghiêm Vạn: để phương thức làm ruộng kiểu du canh tồn tại mà không ảnh hưởng đến môi sinh thì mật độ dân số phải không quá 10 đến 12 người/km<sup>2</sup>. Mật độ đó cho phép người dân làm rẫy quảng canh mà không phá rừng<sup>11</sup>. Ở Đăk Nông, theo kết quả điều tra dân số tháng 6/1960, mật độ dân số là 5.3 người/km<sup>2</sup> trong đó người dân tộc tại chỗ chiếm 1/3 dân số<sup>12</sup>. Người Kinh chỉ sinh sống ở ven quốc lộ hoặc thị trấn. Do mật độ thưa thớt như vậy nên người dân tộc tại chỗ vẫn có khả năng thực hiện chế độ luân khoảng khép kín.

Việc canh tác nương rẫy có tính thời vụ cao, đòi hỏi phải tập trung lao động ở những thời gian nhất định trong mùa vụ. Lao động tập trung lớn nhất là ở giai đoạn phát cây, đốt, gieo tria, làm rào và thu hoạch. Do vậy cần có sự tương trợ và giúp đỡ nhau. Trước khi thực dân Pháp xâm lược, ở Tây Nguyên đã hình thành 2 hình thức giúp đỡ nhau, đó là giúp đỡ nhau có đi có lại (như kiểu vận công đổi công) và hình thức làm thuê. G. Condominas đã mô tả người M'Nông Gar: các nhóm vận công được hình thành vào mùa rẫy, tan rã khi thu hoạch xong. Hạt nhân của nhóm là các lao động chứ không phải là hộ. Nhóm lần lượt lao động trên rẫy của các thành viên sau đó quay lại từ đầu. Khi một thành viên vì lý do gì vắng mặt thì người nhà có thể đi thay. Bữa cơm trưa là do chủ nhà lo. Hình thức thuê, trả công phổ biến là được trả bằng thóc. Gọi là làm thuê nhưng người làm thuê thường được trả công cao hơn giá trị thực của ngày công. Một ngày người làm thuê được hưởng một nửa gùi lúa hoặc chia nửa số thóc thu hoạch được trong một ngày. Họ quan niệm nếu không thì chim

---

<sup>11</sup> Trích theo Bùi Minh Đạo: *Vài nhận xét về nương rẫy Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra*, Bài đã dẫn, tr.30

<sup>12</sup> *Địa phương chí tỉnh Quảng Đức*, Sđd. tr.23

thú cũng phá mất. Khi đói kém mất mùa, những gia đình khá giả thường chia số lúa còn lại cho dân làng. Sự tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất cũng được qui định trong luật tục của người M'Nông. Trong điều *Tục làm rẫy* ngoài việc nói về nghi thức gieo hạt, thu hoạch còn nói về việc giúp đỡ nhau trong việc phát rẫy, dọn rẫy:

*"Phá rẫy phải giúp, giữ lúa phải giúp,*

*Chặt cây to phải đãi rọu ché.*

*Dọn rẫy không cháy phải đãi rọu ché.*

*Đốt rẫy phải đãi rọu ché.*

*Nhờ làm cỏ phải đãi lợn thiên"*

Ngoài canh tác nương rẫy, ở Đăk Nông cũng tồn tại hình thức ruộng nước nhưng không lớn lắm. Đó là ruộng trâu quần. Số ruộng này tập trung ở vùng người M'Nông thuộc huyện Krông Nô quanh đầm lầy, ven hồ, ven sông. Loại ruộng này tồn tại ở những vùng có 2 điều kiện: ruộng ở những nơi lầy thụt và trâu được nuôi nhiều. Người ta cho trâu dẫm ruộng, rồi theo những vết chân trâu mà tra hạt.

Kĩ thuật trồng trọt của người Tây Nguyên rất lạc hậu, kéo dài nghìn năm, thể hiện rõ nhất ở công cụ sản xuất. Từ hàng nghìn năm vẫn là cái cuốc, rìu, dao, gậy, xà gạc, gùi, bàn nghiền, cối giã gạo. Nông dân Đăk Nông có thể làm cỏ bằng tay, bằng cuốc, thu hoạch bằng gùi, tuốt lúa bằng tay hoặc thanh kẹp (chỉ có lúa nếp dai và rậm người ta thu hoạch bằng thanh kẹp, hái, nhíp). Kinh tế nông nghiệp truyền thống Đăk Nông hoàn toàn dựa vào sức người, chưa biết sử dụng sức kéo của trâu bò. Họ cũng chưa biết sử dụng phân bón. Sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên, trong đó quan trọng nhất là 2 yếu tố: thời vụ và nước. Người dân chỉ biết bỏ hạt giống, làm cỏ và ngồi đợi đến lúc thu hoạch.

Trồng trọt phát triển lại càng gắn bó với ngành săn. Kẻ thù nguy hiểm nhất của nương rẫy là những bầy thú, bầy chim. Những bầy lợn rừng, bầy khỉ, bầy voi, bầy chim tràn vào rẫy thì chỉ cần trong vài phút những thành quả do người nông dân phải vô cùng vất vả làm ra đã bị phá tan tành như vừa trải qua một trận bão lớn. Hơn nữa hoạt động trồng trọt chỉ có một vụ lại cho năng suất thấp, bấp bênh không ổn định (do phụ thuộc chặt vào thiên nhiên) nên không đủ lương thực nuôi sống con người trong khi rừng vẫn rất hào phóng cung cấp cho họ nguồn thức ăn và những vật dụng cần thiết. Chính vì vậy kinh tế trồng trọt gắn chặt với kinh tế hái lượm và săn bắn trong suốt quá trình phát triển ở Đăk Nông. Sự giàu có về tài nguyên của Đăk Nông phải chăng cũng là một trong những nguyên nhân làm cho kinh tế xã hội Đăk Nông trì trệ, kém phát triển trong một thời gian dài.

Bên cạnh trồng trọt, ngành kinh tế sản xuất thứ hai cũng dần xuất hiện. Đó là ngành chăn nuôi. Cũng như ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á, ở Đăk Nông việc thuần hoá động vật diễn ra muộn hơn rất nhiều so với việc thuần hoá thực vật. Chó có thể là động vật được thuần hoá sớm nhất vì chó giúp người đi săn và nó cũng dễ dàng trở thành người bạn thân thiết của con người. Sau đó là lợn vì lợn rừng phân bố rất rộng ở Đông Nam Á, lại dễ thuần phục hơn

các loại động vật khác. Tiếp theo có thể là các loại động vật khác theo nguyên tắc chung là động vật nhỏ được thuần dưỡng trước (như gà vịt...) rồi sau đó đến động vật lớn (voi, trâu, bò, ngựa...). Xưa nay người M'Nông vẫn là dân tộc nổi tiếng khắp Tây Nguyên về tài săn bắt và thuần phục voi. Voi có nhiều ở Tây Nguyên lại dễ thuần phục. Người Ê Đê rất quý voi. Họ coi voi như một người trong gia đình. Voi được đặt tên, được tham dự vào các buổi cúng tế, đám ma, đám cưới, lễ tết. Voi thường phục vụ con người trong vận chuyển, giao thông liên lạc ở mọi địa hình Tây Nguyên. Voi cũng là vật trao đổi trong buôn bán. Voi có giá trị rất cao, là tài sản lớn của gia chủ, gắn bó với người Tây Nguyên hơn các con vật khác. Voi đi vào văn hoá, nghệ thuật, tín ngưỡng và các sinh hoạt cộng đồng khác. Người Ê Đê và người M'Nông có những lễ nghi cúng thần voi, hồn voi và nhiều tập tục kiêng, cấm kỵ liên quan đến voi. Trâu được nuôi nhiều ở Đăk Nông nhưng không phải để phục vụ sản xuất mà để phục vụ việc tế lễ hoặc để trao đổi. Kiểu chăn nuôi của người dân Đăk Nông là bán thả rông ở bãi chăn thả hoặc trong rừng. Mỗi công xã thường có khu bãi chăn nuôi thường nằm ở ven rừng, nơi có những bãi cỏ rộng. Trong điều *Tục lệ chăn nuôi* của luật tục người M'Nông có nói rõ về việc chăn sát gia súc không được để hoang gây hại cho người khác:

*"Nuôi lợn phải làm chuồng*

*Nuôi trâu phải làm chuồng*

*Nuôi voi phải có cọc*

*Buổi sáng thả ra bãi cỏ*

*Buổi trưa lùa xuống bờ suối*

*Buổi chiều phải lùa về nhà"*

Sở dĩ người dân tộc tại chỗ phải nuôi bán thả rông vì họ phải đi làm rẫy ở xa nhà nên không có điều kiện chăm sóc, hơn nữa bãi chăn thả và rừng có nhiều thức ăn cho gia súc nên có thể tận dụng vì người cũng chưa đủ lương thực để ăn. Việc chăn nuôi không được tổ chức thành các đơn vị chăn nuôi lớn dù Đăk Nông có nhiều đồng cỏ lớn mà chỉ chăn nuôi gia đình. Chăn nuôi không có quan hệ gắn bó với trồng trọt. Người dân không sử dụng sức kéo của trâu bò, không chăn nuôi để lấy phân bón ruộng.

4. *Về quan hệ sản xuất*, thời nguyên thủy ở Đăk Nông cũng giống như ở mọi nơi khác trên thế giới là sở hữu công hữu về tài sản, đặc biệt là công hữu về tư liệu sản xuất. Lúc đầu mọi người được tự do khai thác và hưởng thụ sản vật của tự nhiên do nhu cầu của con người ít mà sản vật tự nhiên lại khá nhiều. Họ chỉ cần một ít gỗ, đá để làm công cụ, quả cây và động vật để ăn. Những sản vật đó không cần phải mất nhiều công lao động.

Lực lượng sản xuất phát triển, dân số tăng lên, khả năng khai thác tự nhiên của con người cao hơn, nhu cầu của con người lớn hơn nên đã xuất hiện yêu cầu độc quyền sử dụng. Các thị tộc bộ lạc độc quyền khai thác những sản vật tự nhiên ở các khu rừng, hồ nước hoặc một khu vực nào đấy. Về phân phối ở giai đoạn này là chế độ phân phối bình quân. Sản



phẩm lao động của mọi người được coi là của chung và mọi người đều được hưởng thụ như nhau.

Khi kinh tế nông nghiệp xuất hiện, quan hệ sản xuất có những bước biến đổi. Đất đai lúc này thuộc sở hữu của công xã. Mỗi công xã có quyền sở hữu tập thể về lãnh thổ của mình. Các thành viên công xã đều là chủ nhân. Mọi thành viên công xã đều có quyền làm ăn sinh sống trên đó nhưng theo quan niệm của người Đăk Nông, người Tây Nguyên, người chủ thực sự của tài sản đất đai, rừng núi sông suối hồ đầm là của các thần linh. Ranh giới giữa các công xã sau khi được các bên liên quan xác nhận thì phải xin phép thần linh bằng một lễ cúng để được thừa nhận và được duy trì bền vững. (Thường mỗi công xã cách nhau bằng một khu rừng vô chủ). Mọi người, mọi thành viên trong và ngoài công xã đều phải tôn trọng. Người ngoài công xã không được phép xâm phạm.

Đất đai của công xã lại được chia thành những khu vực khác nhau. Khu vực sản xuất bao gồm khu đất canh tác và khu bãi chăn nuôi. Đất canh tác vốn là đất rừng thường ở những khu vực ven bờ sông suối hồ, dưới thung lũng - những nơi có nguồn nước phục vụ cho sản xuất. Các thành viên trong làng, trong bon, buôn (thường được tổ chức thành các đại gia đình) được tự do chọn đất rẫy trên rừng để canh tác nhưng chỉ có quyền chiếm hữu, không có quyền sở hữu. Các đại gia đình có toàn quyền khẳng định quyền khai phá của mình kể cả trong thời gian đất hưu canh, không ai được tự ý xâm phạm. Nếu các gia đình có nhu cầu trao đổi cho nhau quyền sử dụng đất đai thì phải báo cho người đứng đầu công xã và làm lễ xin phép thần linh trước sự chứng kiến của cộng đồng. Nếu có ai vi phạm quyền sử dụng của người khác hoặc quyền sở hữu của cộng đồng đều phải đưa ra xét xử công khai và tùy mức độ vi phạm mà nộp phạt. Nếu gia chủ bỏ đi hoặc bị đuổi ra khỏi cộng đồng thì phải trả lại đất cho buôn, bon.

Lúc đầu, chỉ có những người cùng huyết thống được sử dụng và khai thác nguồn lợi từ rừng, đất đai của công xã. Sau đó có những người ngoài công xã cũng muốn đến lãnh thổ của công xã để cư trú và canh tác thì cũng được công xã chấp nhận. Đó là lúc công xã thị tộc chuyển sang giai đoạn công xã nông thôn. Những người ngoài đến công xã phải xin phép người đứng đầu công xã, nộp lễ vật cúng thần linh. Nếu không sẽ bị trừng phạt theo quy định của cộng đồng.

Phần diện tích đất và rừng còn lại là thuộc quyền sở hữu tối cao của tập thể công xã. Không một thành viên công xã nào được chiếm hữu riêng của mình. Phần đất và rừng này lại có nhiều loại:

Thứ nhất là khu rừng thiêng: thường là rừng rậm đầu nguồn, rừng nguyên sinh có nhiều cây đại thụ được xem là nơi trú ngụ của thần linh và ma quỷ. Đây là nơi diễn ra nhiều nghi lễ của cộng đồng, không ai được xâm phạm, chặt phá cây cối, không được đốt lửa, chăn thả gia súc hoặc có hành vi dơ bẩn. Bất cứ ai vi phạm sẽ bị trừng phạt rất nặng. Nếu không các vị thần linh ma quỷ sẽ trừng phạt cả làng. Do quy định này nên rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh được bảo vệ hàng nghìn năm.

Thứ hai là khu rừng nhà mồ: khu rừng này thường là những khoảnh rừng gần nơi cư trú và là nơi được người Đăk Nông, Tây Nguyên quan niệm là nơi gửi xác và hồn của người chết trong thời gian chưa làm lễ bỏ mả.

Thứ ba là khu vực sinh tồn bao gồm nguồn nước, khu rừng kiếm sống, các thảm cỏ. Nguồn nước là sông suối ao hồ đầm thác mà người dân có thể sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất, đánh bắt thủy sản và đi lại. Khu rừng kiếm sống là nơi các thành viên trong cộng đồng có thể săn bắt và hái lượm, lấy gỗ tre mây làm nguyên liệu cho các nghề thủ công (như làm nhà, làm nhà mồ, tượng, thuyền, đồ đan, công cụ sản xuất, nhạc cụ v.v...) hoặc lấy cây thuốc để chữa bệnh. Ở khu rừng này, cá nhân không có quyền chiếm hữu đất đai nhưng có quyền chiếm hữu những sản vật. Ví dụ khi phát hiện ra một số cây gỗ quý hoặc cây cho bột, củ, tổ ong nhưng chưa đến kì thu hoạch thì họ đánh dấu chủ quyền và như vậy, những người đến sau không được phép khai thác. Quyền sở hữu các sản vật này được cha truyền con nối và được luật tục bảo vệ.

Khi khai thác ở những khu rừng kiếm sống, các công xã đã có những quy định mang tính chất bảo vệ môi trường rất khoa học. Đó là không được tùy tiện khai thác bừa bãi như không được chặt cây nhỏ đang độ phát triển, không được làm trống một khoảnh rừng, không được chặt một số cây gỗ quý như cây konia, ana grach, ana ruih, ana gril, ana xít v.v....

Luật tục của người M'Nông qui định:

*"Chặt cây to phải chừa cây con*

*Đốt tổ ong phải chừa ong chúa*

*Không thuốc cá bằng cây Kuaurle*

*làm chết sạch cả tép, cả cua*

*Bon, làng có thể khiếu nại*

*Tội thuốc cá không ai đền nổi"*

Khi săn bắt thú lớn phải có tổ chức, nhiều khi phải làm lễ xin phép thần linh. Các thảm cỏ của công xã là bãi chăn thả chung của mọi nóc nhà trong công xã. Việc bảo vệ rừng của người Đăk Nông phần nào được phản ánh qua luật tục của người M'Nông:

*"Rừng cháy ta phải giúp dập, nước chảy ta phải giúp chặn*

*Chòi cháy chỉ một người buồn*

*Nhà cháy cả làng buồn*

*Rừng cháy mọi người đều buồn"*

Luật tục của người M'ông xử phạt rất nghiêm với các tội như đốt rẫy làm cháy rừng; đốt rẫy nhà mình làm cháy lan sang nhà khác; tội phát hiện cháy rừng mà không ra tay dập tắt; tội làm cháy chòi canh trên rẫy; tội làm cháy nhà, cháy bản làng.

Hiện nay kinh tế nương rẫy với trình độ tự nhiên đang dần thu hẹp lại. Đường giao thông đã được mở đến các vùng sâu vùng xa. Việc đi lại giao lưu hàng hoá có thể thực hiện được trong cả mùa mưa. Người dân Đăk Nông bản địa hoặc những người từ nơi khác di cư đến đang chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu vật nuôi cây trồng để cho giá trị kinh tế cao hơn hoặc thay đổi công nghệ sản xuất đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện thâm canh trong đó quan trọng nhất là đưa giống mới vào sản xuất. Kinh tế Đăk Nông đang từng bước chuyển dịch sang hướng sản xuất hàng hoá, hình thành các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông lâm sản trong đó có những cây trồng cận có giá trị kinh tế cao thay thế cho cây lúa cận như: cà phê, cao su, điều, tiêu, ca cao... Đồng bào dân tộc tại chỗ cũng dần làm quen với những kỹ thuật mới thông qua công tác khuyến nông hay các dự án đang dần tiếp cận với những hình thức sản xuất hiện đại. Điều đó không thể một sớm một chiều có thể hoàn thành được.

# TRADITIONAL AGRICULTURAL ECONOMY IN DAK NONG

**Dr. Vu Thi Hoa**

History Faculty – Hanoi Education University

To be a mountainous region of southwest Tay Nguyen, the north Dak Nong is bounded by Dak Lak province; the south with Binh Phuoc province; the East and south-east with Lam Dong province and the west with Cambodia.

Nowadays, many people know about Dak Nong not only this area has the highest developing rate in Tay Nguyen; the biggest B reserves in Southeast Asian, the forth of the world but also from thousands of years ago, Dak Nong owns cultural values which have been created by basic traditional agriculture economy of age-old native inhabitants. Vestiges of ancient Dak Nong residents were found from stone tools that showed a continuous development from new Stone Age to early metallic age. However, Dak Nong is still one of the slow development provinces with a low rate GDP (370USD/person in 2005, equal 60% of GDP in Vietnam). Although Dak Nong has many favorable natural conditions for developing socioeconomic such as land; climate; mineral and terrain, this province develops slower than others in Vietnam? The question is why. Through researching traditional agricultural Dak Nong economy, the answer maybe can be found.

## **Early agriculture in Dak Nong**

Based on polishing stone skills at Tam hamlet archaeological site, Dak Will commune, Cu Jut district, the agriculture in Dak Nong has been appeared for 6000 years. But with foundation of stone soil picks in new stone later period in large area of Dak Nong, its agriculture began from 3500 years ago. In new Stone Age, stone manipulation skill had made good progress. Filing stone technique appeared. Using sharpened tools to cut trees, clearing large lands for farming, primitive man created original agriculture-the drawn of agriculture.

The first sharpening stone skills had been discovered at Tam hamlet archaeological site (from 6000 years ago) where excavated in 2006. At this place, archaeologists found 6 polished axe-head and 17 graters in all of 7400 collected items. It means that Tam hamlet was one archaeological site of making stone tool workshop. Agriculture at this period may be a gardening farm sector such as taming yam, water-taro...

But husbandry was developed strongly in new Stone later period the whole of Tay Nguyen, around 3500 to 3000 years ago. It was an agriculture using hoe/soil-pick. Stone hoe in Tay Nguyen was various quantities, abundant shapes, and suitable for natural conditions of each area. The first stone soil-pick was discovered in Tay Nguyen (Draixi,

Dak R'lap district, Dak Nong province) in 1973. After that, they found many stone hoes in Dak Nong and Tay Nguyen. According to Nguyen Khac Su, in 100 archaeological sites of the new Stone later period-early metallic age in Tay Nguyen, there were 532 stone soil-picks; 74 items belonged to Dak Lak, Dak Nong<sup>13</sup>.

In a large area in Tay Nguyen, they found a big number of various stone soil-picks which showed using hoe in farming generality; began one of the most important tools of manufacturing ancestor agriculture. Moreover, the stone hoe was one of spirit life factors of ancient Tay Nguyen people. People put soil-picks with dead bodies. From Nguyen Khac Su, nowhere more than in Tay Nguyen, stone soil-pick was buried carefully with a large amount of quantity. For example, at Canh Nam hamlet, Dak Nung commune, Krong No district, Dak Nong province, archaeologists discovered 18 trapezium shape stone hoes which were different sizes in the same place. The date of these hoes was identified. They were of 3500 years ago<sup>14</sup>. In addition, others manufacturing tools were found such as stone-axe. Thousands of stone-axes were discovered. This was the most important instrument of milpa economy in Dak Nong because the first step in kaingin economy is cutting trees by axe; then, they used soil-pick for turning up land, not for hoeing up ground first like field economy.

## **2. The long exit of natural agriculture economy in Dak Nong**

Farming appeared 6000 years ago, yet the socioeconomic development in Dak Nong was quite slow, even coming to a stop while there were many big changes out site of this area. Some countries such as Phu Nam, Chan Lap, Cham Pa, Xiem disputed among them about Tay Nguyen at AD; however, these conflicts did not influenced to Dak Nong. Historians have not found cultural traces of countries here. To XVII, XVIII century, people of Dak Nong, Tay Nguyen still remained the beginning manufacturing agriculture level. It was proved by a set of books "Phủ biên tạp lục" (Le Quy Don) when he wrote about Nam Ban nation in Tay Nguyen. His books described that region ploughed by knife; planted in holes; sowed seeds in January; harvested rice in May.

When owned Tay Nguyen, Nguyen dynasty carried out the non-trespass on land policy; let native resident have local autonomy; hence, there was not any disorder in economy of indigenous ethnic groups in Tay Nguyen.

In French domination, Americans and their puppets, there were some higher means of productions for Tay Nguyen like setting up plantations, farms; mustering up all native people by merging neighbouring villages to near line of communications. French and Americans colonialism also gave progressive science and technology into producing. For instance, they provided varieties, fertilizer; guiding technology; and changing crop plants-domestic animals' structure... However, these methods only held a small part of total

---

<sup>13</sup> Nguyen Khac Su: *Stone soil-picks for primitive agriculture in Tay Nguyen*, Archaeology Bulletin, 3<sup>rd</sup>-2006, pp. 7

<sup>14</sup> Nguyen Khac Su: *Primitive archaeology in Tay Nguyen*, Education Publisher House, H. 2007, pp. 131

cultivated surface in Tay Nguyen. Most of native inhabitants this area, especially Dak Nong, still tilled traditionally. According to *Địa phương chí tỉnh Quảng Đức* in 1960, Quang Duc province (it meant Dak Nong in Americans and their puppets period) planted 2500 ha rice in mountain fields with 1500 tons paddy output and 450 ha rice fields in farms<sup>15</sup>. It led ill-nourished situation. Therefore, this province had to import 90 tons of rice monthly<sup>16</sup>. Beside rice, Quang Duc planted 766, 32 ha industrial crops such as flax, keenaf, lacquer, rubber, tea, fruits and flowers<sup>17</sup>.

Until 80s of XX century, rice of mountain fields was till 80% of area under cultivation; producing 80% of total food output in Tay Nguyen<sup>18</sup>. In 1997, this region still had 15000/25000 local people (60%) who live mainly by practicing nomadic mountain field farming. In 2005, Tay Nguyen planted 76 000 ha, including 12 000 ha wet rice field and 3288 ha rice mountain filed<sup>19</sup>. What is the root of problem? It is human factor. Not only minority ethnic groups remain traditional methods-natural economy, but also emigrants to Dak Nong after 1975 still held this form. That is the reason for existing traditional farming economy until now.

### **The Dak Nong traditional farming with primitive cultivation technique**

Traditional farming economy in Dak Nong included planting and raising.

#### *Cultivation*

With Dak Nong, mountain field economy keeps decisive role-the main economic activities. This type makes up labour resource, labour time and others business that were considered as the secondary economy. Moreover, mountain field economy affected strongly Dak Nong people's social life like long remaining matriarchy; festivals; beliefs; culture, and art...

There is only a harvest per year in Dak Nong, in raining season because at this time, normally it has 70% to 75% rainfall. Additionally, high humidity also supports the growing up of plants. Contrary to dry season, red soil keeping water less and low humidity make farmer more difficult to plant without irrigational works.

Farming technique has many different parts. Firstly, they choose type of land. The original people have some serious rules. For example, field has to be in village area but it is not in watershed; holy wood zone or wood far from village. Secondly, before raining season about 30-40 days, farmer cut trees in dry season; then they burn. To know when it rains, Dak Nong people always use the changing of cloud, wild animal, tree root or face of stream. Thirdly, they take ash from burned trees to cover land for fertilizing fields. Fourthly, by

---

<sup>15</sup> *Local geography of Quảng Đức*, Administrative Service of Quang Duc province, 1960, pp. 53

<sup>16</sup> *Local geography of Quảng Đức*, Administrative Service of Quang Duc province, 1960, pp. 57

<sup>17</sup> *Local geography of Quảng Đức*, Administrative Service of Quang Duc province, 1960, pp. 53

<sup>18</sup> Bui Tat Thang: *Building material and technical facilities for agriculture producing and producing forms in minority ethnic groups region in Tay Nguyen*, Economy research, 1<sup>st</sup>-1984, pp. 37

<sup>19</sup> *Dak Nong planted 76 000 ha in 2003*. Dak Nong news, 01/01/2004

stone or wooden soil-pick, peasantry turns over the soil, using wooden cane, sharpened bamboo for sowing and planting. After that, the most important section is to protect and to look after mountain field such as building sentry box at fields; making traps or using noisy instruments or dummy to prevent birds, wild animal. By a chance, farmer in Tay Nguyen created original musical instruments as lithophone; the T'rung; the Krongput, etc...

Cultivation method of Dak Nong people is polyculture (various plants) or combination planting (main plant is rice then intermix others like salted vegetables; egg-plant, pumpkin, gourd plant...). In addition, in mountain field of Dak Nong, there are many kinds of plant such as tea, fruits, tobacco, cotton or medicine...Some researcher compared that fields in Tay Nguyen with bazaar. In "Farming technique rules" of M'Nong community:

*Planting salted vegetables at low land, windless*

*Flat, low land for corn*

*Along stream bank for banana and sugar-cane*

*Only flax is planted on high hill*

*Rice, gourd and pumpkin together*

*Old mountain field for chili and egg-plant*

From these rules, depending on kinds of land and terrains, M'Nong residents have suitable plants. This method brings many high goals for farmers. People can harvest variety products at the same cultivated surface. Particularly, protecting forest land is to reborn the fat of land. It means that land is always covered by plants which prevent wild grass; increasing mud rate for land; reducing devolution of land; rising and stabilizing plant productivity. For plants, they both defend and stimulate the development.

The main food plant of Dak Nong agriculture is rice. It is shown clearly through beliefs of Dak Nong people. Rice God has a special place in polytheistic system (all things have spirit) of these ethnic groups. During producing process, they carry out some ceremonies for praying Rice God. At plating period, because they believe that this God is always in fields, peasants must abstain from many things. For instance, they will not use strange, sharp tools, in particular iron, steel tools. They offer sacrifices to get much rice by worshiping sowing land with rice (high production), by worshiping rice (when rice plant is 2 inch, this ceremony is for growing up, preventing from wild animal; insects). Finishing the crop, there is a thanks giving festival to Rice God which everybody gets the good result from hard working process; then welcome Rice spirit. In M'Nong's opinion, Rice God is a beautiful, gentle and righteous girl but she is quite indulgent. If the farmer let the God's spirit out of his house, he will loose good harvest next year. The rite of welcoming God spirit is very complex and serious. After reaping, each family often spends a plot of rice for the God; binding rice into bunches then put in papoose of women. These women come back

home from mountain field with the several km length wire (from home to field). This symbol will let the God know how to come farmer's storage. While people perform festival procession, there is no bronze gong because the fairy is afraid of sound and may be run away. Instruments used are lithophones or bamboo tools. They will make music smoother.

For a long time, people in Dak Nong, Tay Nguyen have created many upland rice-dry rice varieties which are suitable for local's nature condition. According to preliminary research of Nguyen Van Hien in Dak Lak (1986), there were 40 local rice varieties including 2 groups of sticky rice and 5 groups of original rice<sup>20</sup>. In a study of Chu Van Vu, Dak Lak has 180 local dry rice varieties<sup>21</sup>. Their characteristics are the ability of preventing drought; against pestilent insects, but low productivity. However, the mountain field productivity of Dak Nong-Tay Nguyen is the highest of all Indochina area. It is normally more 1.3 to 1.5 times than others<sup>22</sup>. This rice still has special characteristic. When having ripening rice, it is easy to drop so peasantry can not cut by knife or stickle. They have to use their hand.

The second food plant in Dak Nong is gourd. It is not only food resource but also a thing for keeping food; dry food... Gourd plant is considered such as spirit value in Dak Nong's life. For example, legend has it that an M'Nong girl was born from a calabash. The name Dak Nong is from calabash-tree: Dak means stream and Nong is calabash. Or the lunar New Year pole is a symbol of calabash-tree which offers water for Gods. Beside, the beautiful image of calabash always appears in unwritten law, historical poem, and rhyme statements; e.g.: To evaluate the good character of somebody, Dak Nong people often say "a person is as pure as water in calabash, in pipe".

Rotational, fallow crops or rotative self-contained lands were carried out because farmers do not know how to put down fertilizer. Each family has two kinds of field: fallow field and processing field; yet the fallow field is more 10 times area. Peasantry often works for 1 or 2 years at processing field then they leave to other pieces of ground. After 10 or 20 years, they come back to the first field. During that time, the forest is recovered; the land is turned back fat. Because of the high rainfall and humidity, the rich of land, the woods in Tay Nguyen usually restores faster. This producing let people of Dak Nong stay longer in fixed territory. According to researchers, the above cultivation method is scientific. It remains fresh environment; pieces of plants and animal. However, the rotation closed plots is suitable for the large lands, thinly populated. For example, the population density which is not higher than 10 to 12 people per 1 km<sup>2</sup> will not affect to human ecology

---

<sup>20</sup> Bui Minh Dao: *Some comments about mountain field in Tay Nguyen and questionnaires*. Ethnography review, 4<sup>th</sup>-1988, pp. 29

<sup>21</sup> Chu Van Vu: *Settled agriculture and living problem in Tay Nguyen*. Economic research Review. Number 137-1984, pp. 47

<sup>22</sup> Bui Minh Dao: *Some comments about mountain field in Tay Nguyen and questionnaires*. Ethnography review, 4<sup>th</sup>-1988, pp.30



and forest<sup>23</sup>. In reality, in Dak Nong, from the census in June, 1960, there are 5.3 people per 1 km<sup>2</sup>; 1/3 population among them is ethnic people and Kinh group only stays along of highway or in town<sup>24</sup>. That is why local people can still do mountain fields in shifts.

Field work has to gather manpower's strength in some periods like cutting trees; burning; cultivating; making fence and harvesting so people need to help and support each other. Before being French colonial, Tay Nguyen appeared two types of help: mutual help and hired labour.

The first kind is mutual help. According to G. Condiminas, groups in M'Nong Gar were established from the beginning of season and broken up at the end of harvest. The nucleus of group is employee. These employees took work in turns to cultivate in members' field in the same group. When a member can not join in because of some private reasons, anybody in his family can go in his place. The host of field will prepare lunch for everybody.

The second kind is hired labour. The employees are often paid by rice: a half of rice papoose per day or a half of cultivated rice of day. In their opinion, if the host does not pay like that, birds, wild animal will destroy.

In the rules of M'Nong residents, the interdependence in cultivation, harvest or work is always paid attention. The rich families usually device rice for local people if this year has low productivity because of poor crop. Or in *Doing mountain field rules*, they said:

*Everybody has to help to make field; protect rice*

*Treat che wine if you cut big trees,*

*If you burn fields*

*If you clean field without fire*

*Treating hog if you clean grass...*

Along with mountain field, Dak Nong farmers used small water fields-trau quan. This kind of field concentrates around bog; riverside; or along the banks of lakes in area of M'Nong people, in Krong No district because of its characteristics. This field belongs to low and swampy ground, also there are many buffalos. People let buffalo step on field then sowing seeds is based on buffalo's foot.

Cultivate technique of Tay Nguyen has been backward for thousands of years, especially in means of productions such as knives, soil-picks, axes, stick, ad rice mortars... Farmers of Dak Nong make grass by hand, soil-pick; to harvest by papooses; to pluck rice

---

<sup>23</sup> From Profession Dang Nghiem Van, quoted by Bui Minh Dao: *Some comments about mountain field in Tay Nguyen and questionnaires*. Ethnography review, 4<sup>th</sup>-1988, pp. 30

<sup>24</sup> *Monograph of Quang Duc province*, pp. 23

off the ears by hand or clamp bar (specially for sticky rice). Traditional agriculture economy in Dak Nong totally based on human physical strength. They have not known how to use the pull strength of buffalos or cows; how to use fertilizer. The peasantry only sows the seeds; making grass and waiting for harvesting. Seasons and water are two the most important components in manufacturing which relies on nature.

Hunting branch has a relation with cultivation. The most dangerous enemies of mountain field are birds and wild animals as elephants, monkeys, wild boars, and birds... which destroy fields for a few minutes. Moreover, cultivated activities do not provide enough food because there is only one season with low and unstable productivity while people can still find more food and necessary things in forest for their life. Hence, cultivated economy always combines with hunting and picking fruits economy during the development of Dak Nong. However, the wealthy resource here is one of reasons that make socioeconomic slow, undeveloped for a long time.

### *The rearing*

Like Vietnam and Southeast Asian region, tamed animals happened earlier than tamed flora in Dak Nong. Local people used the taming rule for small (chicken, duck) to big animal (elephant, buffalo, cow, horse). Dogs maybe are the first tamed animal because it helps people hunting, to be loyalty friends. The second domesticated animal is pig, especially wild boar which distributes largely in Southeast Asian is easier to tame than others. It is interesting that elephant is a kind of favorite animal in Tay Nguyen. M'Nong ethnic group is famous of hunting and taming elephants. E De people like elephant very much. To be a member of family, elephant is named; invited to festivals, wedding parties, funerals, and New Year festival. This kind helps people carry heavy things; or transport to every territory in Tay Nguyen. Elephant is also an exchange thing of trade because it has higher value than others. For these reasons, the image of elephant often appears in art, culture, religious and community activities. For example: E De and M'Nong people organize rituals worship to Elephant God; Spirit of Elephant. They also have some taboo customs about elephant.

Each Dak Nong commune usually let animals leave unbridled in the woods or grazing-land where is near by the edge of forest. However this kind of rearing is not harmful to others because:

*If raise pigs, buffaloes, you have to make coops*

*If raise elephant, you have to use stakes in a ground;*

*In the morning, let them go out the grass-land*

*In the afternoon, round up the cattle along the stream*

*In the evening, bring them back home*

*(Rearing rules of M'Nong people)*

Using the habit of leaving unbridled, people take full advantage of food outside also they have more time to work far from home. But rearing in Dak Nong is not organized as big farms although there are many large grasses. This activity is only a rearing in family, without relationship with cultivation activity. Farmers do not consider the helpfulness of fertilizer and the pull from animals.

### **Production relations**

Like others in the world, public ownership of property, especially public material production happened in the primitive period in Dak Nong. At first, people had the freedom of using produces from nature. They needed a little of wood, stone for making tools; a little of fruits, animals for food which saved labour credit.

When the population increased; production force developed more, the higher of exploiting nature ability and human's demand, the requirement of monopoly using was appeared. Tribes and clans developed monopoly of utilizing nature resources from forests, lakes, and any area. Produces from labour were divided for everybody. It is called average distribution system.

Until farming economy period, production relations had some changes. Communes owned lands and had rights in their areas. Members in communes were owners who had living rights in their lands, but in Dak Nong's opinion, the real owner of all lands, mountains, streams, or lakes is Gods. The border among communes (often apart from ownerless woods), based on the Gods through worship ceremonies, is considered and remained strongly. Everyone, every member in and out of communes has to respect the line. Nobody is allowed to trespass on others' land.

Land in commune was divided into many areas. Manufacturing region included cultivated and rearing area. Cultivated area was forest land where is along banks of rivers, lakes, streams or valley and has water resources. Members in the big families of village, highland village were free to choose mountain fields of woods for farming; yet, they were only allowed to possess that land without owning. If families wanted to change the using land right, they have to notice to the highest manager of commune, then carried out a remittance ceremony in front of the whole of community. If somebody had broken the law, he would have been in public judgment and paid a fine. If the head of the family had left out or been casted out of his community, he would have paid land back.

Early, only people having the same blood line used the resources from woods, lands of commune. After that, the community permitted people from outside who came to live and cultivate owned the land. However, they had to ask the head of community; presenting gifts

for Gods. If not, they were punished according to rules of village. It marked that clan commune changed into rural commune.

Other lands and woods belonged to the supreme proprietary of community. They had some kinds:

Firstly, it is holy woods region. This part can be the riverhead of dense or primeval forests where are considered place of Gods and ghost spirits. This area also takes place rituals of commune. Hence, nobody can destroy trees or encroach on; grazing cattle; or do dirty actions. Gods and evil spirits could have chastised village if someone had made an error. Because of this rule, protective forests, riverhead of thick forest have been preserved well from thousands of years.

Secondly, it is charnel-house area in the forest which is near from residence of Dak Nong, Tay Nguyen people. This region is also a place where people keep death bodies and their spirits when leaving tomb ceremony has not been done.

Thirdly, it is existence area, including water resource; grass cover; and living woods area. Water supply is lake, river, stream, etc where residents can use for living, producing, catching aquatic product and transporting. Living woods area is a place to hunt animals; pick fruits; gather simples or find raw materials of handicraft for members of village. At this forest, a person is not permitted to possess produces. For instance, when discovering good trees or bees' nest, he can mark his sovereignty that prevents others from exploiting. Produce property right has hereditary characteristic which is recognized by unwritten law.

These communes used natural supplies helpfully and scientific. Their rules show the high protective environment opinion. For example, people are not allowed to cut developing trees; valuable trees. The unwritten law of M'Nong says that:

*Cutting big trees; let small trees grow*

*Burning bees' nest; let queen bee live*

*Don't catch fish by Kuaurle tree which makes tiny shrimps, crabs die*

*Members of village can complaint this action*

*Nobody can make up for loss*

Before hunting big animals, people had to do allowance ceremonies from Gods. And the grass cover in commune becomes public grass-land for all families. Also, the protecting forest is always reminded in unwritten law of M'Nong people:

*Everybody stamps out a fire; blocks water supply*

*A person will be sad if a sentry box burns*

*If houses are blazed, the whole of village will be sad*

*However, if the forest fires, everyone will be sad*

The rules fines very seriously for burning fields of forest fire; burning one's house fire spreading to other houses; detected forest fire that is not hand out; burning houses and village.

Today, natural mountain field economy is coming narrower than before. Communication routes are opened to secluded regions. The traffic system and the exchange of goods also happen during wet seasons. Beside, Dak Nong has transferred economic structure; domestic animal and crop plants structure which bring back higher economic values. People also change productions technology such as applying intensive cultivation; using new varieties. For these reasons, little by little the economy of Dak Nong has transferred into the production of commodities; taking form raw material areas for industrial processing of agriculture and forestry products like coffee trees, cocoa-trees, pepper trees, etc... From agricultural expansion encouragement or by projects, local ethnic groups have approached step by step forms of modern production.